

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát,
huyện Hoàng Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ các Luật: Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 về việc quy định hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Quyết định: Số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Hoàng Hóa: Số 1579/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát đến năm 2030; số 485/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung lập nhiệm vụ, dự toán quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát đến năm 2030

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế & Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 92/TĐ-KTHT ngày 15/3/2023 (kèm theo tờ trình số: 38/TTr-UBND ngày 02/03/2023 của UBND xã Hoàng Cát).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hoá, đến năm 2030.

1.2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch: Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoàng Cát với tổng diện tích 441,95 ha. Ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch cụ thể như sau:

- Phía Bắc, phía Đông giáp xã Hoàng Xuyên;
- Phía Nam giáp TP Thanh Hóa;
- Phía Tây xã Hoàng Quỳ.

2. Quan điểm, mục tiêu, tính chất lập quy hoạch

2.1. Quan điểm, mục tiêu

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070 theo Quyết định Số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Cụ thể hóa các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát đến năm 2030, được UBND huyện Hoàng Hóa phê duyệt tại các Quyết định: số 1579/QĐ-UBND ngày 26/07/2021; Số 485/QĐ-UBND ngày 29/3/2022.

2.2. Tính chất chức năng của xã

- Tính chất, chức năng: Là trung tâm hành chính cấp xã thuộc huyện Hoàng Hoá, với các chức năng chính: Công nghiệp – xây dựng, dịch vụ thương mại.

- Kinh tế chủ đạo của xã: Phát triển theo hướng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ là hướng chủ đạo.

3. Dự báo phát triển và các chỉ tiêu kỹ thuật

3.1. Dự báo quy mô dân số và lao động

- Dân số hiện trạng tính đến năm 12/2020: 5.731 người

- Dự báo dân số đến năm 2030 là 18.745 người, số người trong tuổi lao động chiếm khoảng 55% dân số toàn xã, chủ yếu là lao động công nghiệp, thương mại và xây dựng chiếm khoảng 90%.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát đến năm 2030. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

- Về sử dụng đất

+ Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;

- + Đất cây xanh công cộng : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;
- + Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: $\geq 20 \text{ m}^2/\text{người}$.
- *Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật*
- + Cấp nước sinh hoạt: $\geq 60 \text{ lít}/\text{người}/\text{ngày-đêm}$;
- + Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;
- + Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa: $0,05 \text{ ha}/1000\text{người}$).
- + Chất thải rắn sinh hoạt: $0,9 \text{ kg rác}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$.

4. Phân khu chức năng

- Khu trung tâm xã: Vị trí tại thôn Ba Đình, đây là khu vực trung tâm tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã như Công sở UBND xã, trường học, đài tưởng niệm, trung tâm văn hóa thể thao xã, trụ sở công an xã, ban chỉ huy quân sự xã

- Khu dân cư tập trung: Chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng nông thôn mới nâng cao, đồng thời quy hoạch mới các khu dân cư tập trung, gắn với phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Khu sản xuất tập trung: Hình thành các khu sản xuất tập trung, tạo điểm nhấn và động lực phát triển kinh tế cho xã, thu hút đầu tư và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế bao gồm:

- + Khu công nghiệp Phú Quý: Bố trí tại khu vực phía Bắc đường Quỳ Xuyên.
- + Khu thương mại dịch vụ và các công trình đầu mối (chợ đầu mối, dịch vụ đầu mối): Bố trí tập trung dọc đường QL1 và khu trung tâm xã.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Tổ chức không gian trung tâm xã

- Không gian ở được tổ chức đồng bộ từ chiều cao đến khoảng lùi và kiểu dáng kiến trúc, tạo không gian đẹp, thống nhất làm nền cho các công trình công cộng nổi bật lên giữa không gian cây xanh và không gian yên tĩnh của khu nhà ở.

- Phát triển khu trung tâm xã với quy mô khoảng 25ha, bao gồm các công trình: Công sở UBND xã; Trụ sở Công an và ban chỉ huy quân sự xã, khu văn hóa thể dục thể thao, đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ; các công trình về giáo dục, khuôn viên cây xanh

- Việc quy hoạch sắp xếp lại khu trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối ngoại, đối nội đồng thời đảm bảo phục vụ cho người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

5.2. Định hướng các công trình công cộng, dịch vụ:

Định hướng quy hoạch các công trình công cộng, dịch vụ trên địa bàn xã cụ thể như sau:

TT	Tên công trình	Định hướng quy hoạch	Vị trí	Nhu cầu SD đất		Định hướng kiến trúc	
				DT hiện trạng (m ²)	DT đến năm 2030 (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)
I	Các công trình khu trung tâm xã						
1	Công sở UBND xã	Mở rộng					
2	Tượng đài liệt sỹ	Giữ nguyên vị trí khuôn viên UBND xã	Thôn Đình Ba	5950	10.150	1-3	≤40
3	Đất trụ sở công an và ban chỉ huy quân sự xã	QH mới	Thôn Đình Ba		1.500	1-3	≤50
4	Trạm y tế xã	Giữ nguyên vị trí	Thôn Nội Hà	2.565	2.565	1-3	≤40
5	Bru điện văn hoá xã	Giữ nguyên vị trí	Thôn Thành Đức	200	200	1-2	≤50
6	Trường mầm non	Mở rộng	Thôn Nội Hà	2.900	6.350	1-3	≤50
7	Trường tiểu học	Giữ nguyên vị trí	Thôn Đình Ba	5.500	5.500	1-3	≤50
8	Trường THCS	Mở rộng	Thôn Đình Ba	5.000	9.500	1-3	≤50
9	Sân vận động xã	QH mới	Thôn Đình Ba		15.500	1-3	≤10
10	Nhà văn hóa xã	QH mới	Thôn Đình Ba		4.156	1-3	≤40
11	Khuôn viên cây xanh	QH mới	Thôn Đình Ba		24460	1-2	≤20
II	Khu văn hoá, thể thao thôn						
1	Nhà văn hoá	Giữ nguyên vị trí	Nam Bình	300	300	1-2	≤50
	Sân thể thao	Mở rộng		1.000	2.500		
2	Nhà văn hoá, sân thể thao	Giữ nguyên vị trí	Hà Nội	1.450	1.450	1-2	≤30

TT	Tên công trình	Định hướng quy hoạch	Vị trí	Nhu cầu SD đất		Định hướng kiến trúc	
				DT hiện trạng (m ²)	DT đến năm 2030 (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)
3	Nhà văn hoá, sân thể thao	QH mới	Ba Đình	200	2.000	1-2	≤30
4	Nhà văn hoá, sân thể thao	Mở rộng	Nam Thọ	1.700	2.500	1-2	≤30
5	Nhà văn hoá	Giữ nguyên vị trí	Đức Thành	300	300	1-2	≤50
	Sân thể thao	QH mới			3.000		

5.3. Định hướng tổ chức và cải tạo khu dân cư

- Khu dân cư hiện trạng: Trên cơ sở 5 thôn hiện nay xác định được giữ nguyên vị trí từng thôn và chỉnh trang, cải tạo cơ sở vật chất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho quá trình CNH-HĐH nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Đồng thời bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử lâu đời trên địa bàn xã.

- Khu dân cư mới: Xây dựng các khu dân cư mới tập trung nhằm phục vụ nhu cầu gia tăng dân số và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã, tổng diện tích quy hoạch khu dân cư mới 81,44ha.

5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

Hình thành các khu sản xuất tập trung, tạo điểm nhấn và động lực phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thu hút đầu tư và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế bao gồm:

- Khu vực phía Bắc đường Quỳ Xuyên tập trung phát triển khu công nghiệp Phú Quý tổng diện tích thuộc khu công nghiệp khoảng 49,28ha

- Khu thương mại dịch vụ và các công trình đầu mối: Bố trí tập trung dọc đường QL1 và đường quỳ xuyên tổng diện tích khoảng 35,45ha

6. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Tổng diện tích đất tự nhiên là 441,95 ha, trong đó

- Đất nông nghiệp: 68,86 ha, chiếm 15,58% diện tích tự nhiên;
- Đất xây dựng: 331,98 ha, chiếm 75,12% diện tích tự nhiên;
- Đất khác: 41,11 ha, chiếm 9,3% diện tích tự nhiên.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích		441,95	100,0	441,95	100,0	441,95	100,0
1	Đất nông nghiệp	272,88	61,74	222,81	50,42	68,86	15,58
1.1	Đất trồng lúa	229,15	51,85	181,00	40,95	37,46	8,48
1.2	Đất trồng trọt khác	31,66	7,16	30,34	6,87	23,13	5,23
1.3	Đất rừng sản xuất	1,73	0,39	1,73	0,39	1,73	0,39
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	4,61	1,04	4,01	0,91	3,41	0,77
1.5	Đất nông nghiệp khác	5,73	1,30	5,73	1,30	3,13	0,71
2	Đất xây dựng	122,44	27,70	173,36	39,23	331,98	75,12
2.1	Đất ở nông thôn	46,96	10,63	75,18	17,01	125,70	28,44
2.2	Đất xây dựng công cộng	2,40	0,54	3,87	0,88	5,65	1,28
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao, cây xanh	0,41	0,09	2,41	0,55	15,60	3,53
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,31	0,07	0,31	0,07	0,31	0,07
2.5	Đất công nghiệp, cụm công nghiệp	0,00	0,00	1,05	0,24	50,33	11,39
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	2,40	0,54	13,05	2,95	46,53	10,53
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	53,68	12,15	62,26	14,09	76,75	17,37
2.8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	16,28	3,68	15,08	3,41	10,96	2,48
2.9	Đất quốc phòng, an ninh	0,00	0,00	0,15	0,03	0,15	0,03
3	Đất khác	46,63	10,55	45,78	10,36	41,11	9,30
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	31,46	7,12	31,46	7,12	31,46	7,12
3.2	Đất chưa sử dụng	15,17	3,43	14,32	3,24	9,65	2,18

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

7.1. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

7.1.1. Hệ thống giao thông

- Đường quốc lộ, tỉnh

+ Đường QL1: Được quản lý, đầu tư với quy mô và mặt cắt tuân thủ theo đồ án quy hoạch Thiết kế đô thị dọc 2 bên Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Ba Gian, huyện Hoàng Hóa đến cầu Nguyệt Viên, thành phố Thanh Hóa tại Quyết định số 4859/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Mặt cắt đoạn từ cầu vượt Ba Gian đến sông Lạch Trường (mặt cắt A-A): Chiều dài qua địa bàn xã 1,05km, mặt cắt như sau: Lòng đường chính $2 \times 15,0 = 30,0\text{m}$; phân cách giữa 1,0m; phân cách với đường gom $2 \times 12,0 = 24,0\text{m}$; đường gom $2 \times 10,5 = 21,0\text{m}$; hè đường: $2 \times 7,5 = 15,0\text{m}$; lộ giới: 91,0m, chỉ giới xây dựng 20,0m.

+ Đường từ cầu Nguyệt Viên đi Đò Lèn: Chiều dài qua địa bàn xã là 1,0 km, quy mô mặt cắt như sau (mặt cắt 3-3): Lòng đường chính $2 \times 10,5 = 21,0\text{m}$; phân cách giữa 4,0m; phân cách với đường gom $2 \times 3,0 = 6,0\text{m}$; lòng đường gom $2 \times 7,5 = 15,0\text{m}$; hè đường: $2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$; lộ giới: 56,0m.

- Đường huyện lộ

+ Đường Quỳnh - Xuyên: Chiều dài qua địa bàn xã 2,91 km, nâng cấp, mở rộng gồm 1 trục chính và 2 tuyến đường gom, mặt cắt ngang như sau: Lòng đường chính $8 \times 2 = 16\text{m}$; phân cách giữa 3m; phân cách với đường gom $1,5 \times 2 = 3\text{m}$; lòng đường gom $7,5 \times 2 = 15\text{m}$; hè đường $5 \times 2 = 10\text{m}$, lộ giới 47,0m.

+ Đường Hoàng Cát đi Hoàng Trinh (ĐH - 05): Chiều dài qua địa bàn xã 0,64 km, nâng cấp, mở rộng mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 17,5m; hè đường $5 \times 2 = 10\text{m}$; lộ giới 27,5m.

- Đường trục xã: Quy hoạch đường trục xã tổng chiều dài khoảng 12,75km, mặt cắt ngang điển hình như sau: Lòng đường: 5,5-21,0 m; hè đường 4,0-12,0m; Lộ giới: 10,5-39,0 m, tùy từng đoạn cụ thể.

- Đường làng, ngõ xóm: Đường trục xã quy hoạch đến năm 2030 chiều dài khoảng 10,24 km, mặt cắt ngang như sau: Lòng đường: 3,5 - 4,0 m; hè đường 3,0-3,5m; lộ giới: 6,5-7,5 m, tùy từng đoạn cụ thể.

- Tuyến đê Lạch Trường: Chiều dài 4,27km, nâng cấp chiều rộng mặt đường đê từ 4,5 - 7,5m, taluy đường đê 5 m, hành lang an toàn đường đê 5 m, lộ giới đường đê 24,5-27,5m, tùy thuộc từng vị trí đường đê.

7.1.2. Cao độ nền và thoát nước mặt

- Cao độ các khu vực dân cư hiện trạng được giữ nguyên, các khu dân cư mới, cos nền xây dựng phải phù hợp với cos các điểm khu dân cư và các tuyến đường giao thông hiện trạng để làm cos khống chế cho các khu XD mới; khi thiết kế nâng cos nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng. Đối với các khu sản xuất nông nghiệp, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- Thoát nước mặt: Hướng thoát nước chính từ phía Tây Bắc sang phía Đông Nam thông qua hệ thống kênh mương như kênh Lý Cát, kênh Nam. Do vậy thời gian tới cần thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy đảm bảo tiêu nước cho đồng ruộng.

7.1.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.

- Nguồn nước dùng trong sinh hoạt tiếp tục lấy từ nhà máy cấp nước xã Hoàng Vinh.

- Các đường ống dẫn nước được bố trí trên vỉa hè trên các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ và được trục xã, trục thôn để thuận tiện cho việc quản lý sau này.

- Nguồn nước ngầm và nước mặt được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

7.1.4. Cấp điện

- Lưới điện:

+ Tuyến trung thế: Trên cơ sở đường dây trung thế hiện nay, đầu nối các trạm biến áp mới đảm bảo mỹ quan.

+ Tuyến hạ thế: Cải tạo, xây dựng hệ thống lưới điện hạ thế đầu nối từ bảng điện hạ thế tại trạm biến áp phân phối đến các điểm sinh hoạt và sản xuất theo dạng lưới kín.

+ Hệ thống chiếu sáng: Gồm chiếu sáng khu vực trung tâm xã, tuyến đường liên xã, liên thôn, trục thôn.... Nguồn điện cung cấp cho hệ thống đèn chiếu sáng được lấy từ các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực.

- Trạm biến áp: Đến năm 2030 dự kiến xây mới 6 trạm biến áp tại các khu dân cư mới: Trong đó thôn Hà Nội quy hoạch 3 trạm biến áp (QHTBA 01 công suất 800KVA; QHTBA 02 công suất 1000KVA; QHTBA 04 công suất 800KVA) thôn Ba Đình quy hoạch 2 trạm biến áp (công suất 1000KVA và 1 trạm biến áp công suất 400KVA); thôn Nam Bình quy hoạch 1 trạm biến áp công suất 400KVA.

7.1.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Đến năm 2030 trên địa bàn xã thực hiện việc chuyển đổi các trạm phát sóng thông tin di động loại A2 hiện hữu sang loại A1 theo quy hoạch Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng các tuyến cáp quang, được quy hoạch ngầm theo các tuyến đường giao thông.

- Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

7.1.6. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải

+ Thoát nước trong khu dân cư: Nước thải sinh hoạt và sản xuất được tiêu thoát thông qua hệ thống rãnh thoát nước thải trong khu dân cư được xây dựng dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, trục xã và đường trục thôn, chảy về trạm xử lý nước thải chung của xã.

+ Đối với khu trung tâm xã, khu dân cư mới hệ thống thoát nước thải làm bằng cống tròn BTCT, chôn ngầm dưới đường giao thông của khu, nước sau khi được xử lý chảy về trạm xử lý nước thải chung của xã.

+ Đối với khu công nghiệp, nước thải trong khu công nghiệp được xử lý theo quy định và hệ thống thoát nước làm bằng cống tròn BTCT, chôn ngầm dưới đường giao thông của khu, nước được chảy về hệ thống thoát nước chung của xã

- *Thu gom và xử lý chất thải rắn.*

+ Khuyến khích các hộ dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Chất thải rắn được, sẽ được thu gom, vận chuyển CTR đến điểm thu gom tập kết rác thải tại vị trí giáp khu nghĩa địa thôn Đức thành, vận chuyển lên khu xử lý chất thải rắn của huyện.

+ Tại từng thôn, sẽ đầu tư thùng đựng CTR và xe đẩy tay để thu gom, vận chuyển CTR đến điểm thu gom tập kết rác thải.

- *Nghĩa trang nhân dân*

+ Trong giai đoạn tới quy hoạch, mở rộng 1 khu nghĩa trang nghĩa địa tập trung tại thôn Đức Thành, đồng thời quy hoạch khu an táng và cát táng, tiến hành trồng cây xanh cách ly đảm bảo môi trường, tổng diện tích khu nghĩa địa 4,0ha.

+ Đối với các nghĩa trang, nghĩa địa khác tiến tới đóng cửa, không cho mai táng, cát táng và trồng cây xanh cách đảm bảo môi trường.

7.2. Công trình hạ tầng sản xuất

- Hệ thống giao thông nội đồng: Trong giai đoạn tới cần nâng cấp, tu sửa các tuyến đường xuống cấp nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất cho người dân.

- Hệ thống thủy lợi: Đến năm 2030 nâng cấp, nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến kênh mương chính đảm bảo nhu cầu cấp nước sản xuất và tiêu thoát nước trên địa bàn xã như kênh Lý Cát, kênh N13, Kênh Nam.

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

8.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông
- Nâng cấp và mua sắm trang thiết bị Y tế xã;
- Dự án xây mới và nâng cấp trung tâm văn hóa, thể thao xã và các thôn;
- Dự án mở rộng, nâng cấp các khối trường đồng thời mua sắm thêm các trang thiết bị phục vụ việc dạy và học của giáo viên và học sinh.
- Dự án xây mới trụ sở Công an và ban chỉ huy quân sự xã.

- Dự án chỉnh trang quy hoạch chi tiết các nghĩa trang.

8.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

9. Tiến độ và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

9.1. Tiến độ thực hiện.

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030

9.2. Giải pháp tổ chức thực hiện

1) Ủy ban nhân dân xã Hoàng Cát có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2) Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Cát tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 2QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (B/c);
- Phó CT UBND huyện Hoàng Ngọc Dự (B/c);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải